HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2019/NQ-HĐND	*Quảng Nam, ngày 17 tháng 12 năm 2019*

NGHỊ QUYẾT
Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ và đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện;

Xét Tờ trình số 7164/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị quy định một số nội dung, mức hỗ trợ, đóng góp và chế độ miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Báo cáo thẩm tra số 144/BC-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ và đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Người có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Quảng Nam cai nghiện ma tuý tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập của tỉnh;

b) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

Điều 2. Nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách và mức đóng góp của người cai nghiện

1. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:

a) Bảo đảm 100% các khoản chi theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính;

b) Hỗ trợ tiền ăn hằng tháng, tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân bằng 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

c) Hỗ trợ 100% về chỗ ở.

2. Người cai nghiện hoặc gia đình người cai nghiện ma túy tự nguyện có trách nhiệm đóng góp các khoản sau:

a) Tiền ăn hằng tháng, tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân bằng 30% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Tiền điện, nước, vệ sinh: 80.000 đồng/người/tháng;

c) Tiền phục vụ: 100.000 đồng/người/tháng;

d) Tiền hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi khác: 100.000 đồng/người/năm;

đ) Tiền học văn hóa, học nghề (trường hợp người cai nghiện ma túy có nhu cầu): thực hiện theo quy định hiện hành về công tác dạy nghề trên địa bàn tỉnh.

3. Đối tượng nêu tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, gia đình chính sách (theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng), người chưa thành niên, người nhiễm HIV/AIDS, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% các khoản đóng góp quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này trong thời gian cai nghiện.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ theo phân cấp ngân sách hiện hành và nguồn đóng góp của người nghiện ma túy hoặc gia đình.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Uỷ ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Các nội dung liên quan khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính.

4. Khi các văn bản quy định về nội dung, mức hỗ trợ và đóng góp dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

5. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa IX, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2019./.

Nơi nhận:
- UBTVQH;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBTVQH;
- Bộ Tài chính; Bộ LĐ-TB&XH;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VP HĐND tỉnh: CPVP, các phòng;
- Lưu: Văn thư, Tổng hợp.

Gửi qua trục văn bản liên thông

CHỦ TỊCH

Ký bởi: Hội đồng Nhân dân tỉnh
Email: vphdnd@quangnam.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Quảng Nam
Ngày ký: 26.12.2019 14:22:47 +07:00

Phan Việt Cường